

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2026/HC-PT**

Ngày: 09/3/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán:

Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2025/HC-PT về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2025/HC-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 310A/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Lương Văn N1, sinh năm 1998; Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

- **Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện:** Ông Phạm Hữu H; Địa chỉ: Số E Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

+ Công ty TNHH MTV L; Địa chỉ: Số B N, thị trấn E, tỉnh Đắk (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

+ Bà Vi Thị T, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Hữu H; Địa chỉ: Số E Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Lương Văn S; Địa chỉ thường trú: Thôn D, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Lương Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Phạm Hữu H trình bày:***

Vào tháng 5/2024, ông Lương Văn N1 nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông Lương Văn N1 đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông N1 nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 - 3/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024 UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông N1.

Ông Lương Văn N1 - Người bị thu hồi thửa đất số 4 tờ bản đồ số 09 tại Thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk làm đơn khởi kiện để:

Thứ nhất, ông Lương Văn N1 đề nghị cơ quan chức năng xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất của ông N1. Vì diện tích đất trên của ông N1 đã được khai phá, canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông N1 để giao cho người khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông N1 lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 09 thì phải bồi thường cho gia đình ông N1 theo quy định pháp luật, cụ thể vì những căn cứ sau:

- Năm 1996, ông N1 theo bố là ông Lương Văn S từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C sinh sống (việc này đã được cơ quan Công an xã xác nhận) đã khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Ông Lương Văn S có nộp thuế đất vào năm 1998, 1999. Đến năm 2010 thì ông S có cho ông N1 thửa đất số 4, tờ bản đồ số 09 nhưng không lập văn bản cho tặng). Ông N1 nhận đất, tài sản gắn liền với đất và trực tiếp sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

- Thửa đất nêu trên được ông Lương Văn S khai phá vào năm 1996 và canh tác ổn định, việc khai phá và sử dụng ổn định cụ thể: Năm 2003 ông S trồng 552 cây cao su, 02 cây nhãn và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện và các cơ quan chuyên môn xác định chất lượng cụ thể là 428 cây cao su loại A, 02 cây nhãn loại A đều trồng năm 2003. Theo biên bản kiểm đếm ngày 27/6/2024).

- Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định thửa đất nêu trên của gia đình ông N1 là do bố của ông N1 là Lương Văn S khai hoang vào năm 1996 và sử dụng ổn định, đến năm 2010 thì cho ông N1 đất, tài sản trên đất và canh tác ổn định đến nay. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông N1 theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì: căn cứ vào Khoản 2 Điều 77 Luật đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định “Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.” nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất được bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình ông N1 tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông N1. Vì ông N1 không

nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND Huyện E nên không biết diện tích đất ông N1 bị thu hồi. Ngoài ra căn cứ vào Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông N1 cũng phải được bồi thường.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, ông N1 nhận được Quyết định số 279/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của UBND Huyện E về việc thu hồi đất; Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện E và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, không hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông N1 lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 222.879.506 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, không hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N1.

Chính vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, ông Lương Văn N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Lương Văn N1.

****Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:***

I. Về Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: UBND huyện thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

II. Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ ông Lương Văn N1.

1. Nguồn gốc đất: Căn cứ theo xác nhận số 08/GXN-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Lương Văn N1 thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lán, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Theo quy định pháp luật thì diện tích đất thu hồi của hộ ông Lương Văn N1 không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên việc ông Lương Văn N1 buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện E là Chủ tịch UBND xã E trình bày:

1. Nguồn gốc sử dụng đất của khu vực Khu cánh đồng màu thuộc dự án Hồ C thượng thuộc thôn D, thôn F, xã C:

Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 - Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m².

Nguồn gốc sử dụng của khu đất thực hiện công trình Khu trồng màu thuộc Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ- UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. (Tiền thân của Lâm trường Ea K là Xí nghiệp L2 được thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-UB ngày 28/6/1986 của UBND tỉnh Đ).

2. Ý kiến của UBND xã E đối với việc nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với hộ ông Lương Văn N1:

- Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình Ông Lương Văn N1 (các thửa đất số 30, 25, 38 mảnh trích đo số 10-2022) thuộc thửa đất số 74,100 tờ bản đồ số DC02 (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008) do Công ty TNHH L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (Diện tích trên địa bàn xã C nay là xã E là 37.206.758 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409, thời hạn sử dụng đất từ 15/10/1993 đến 15/10/2043).

- Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là thôn D, thôn F xã E với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C (nay là xã E) là 2.741.492 m². Thông báo thu hồi đất nêu chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH L1.

Theo quy định tại khoản 1, điều 7, Luật đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1, điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1, Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH L1 đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, do đó thời điểm hộ gia đình Ông Lương Văn N1 lấn, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lấn, chiếm của Công ty TNHH L1.

Căn cứ Công văn số 42/CV-Cty ngày 8/9/2022 của Công ty TNHH L1 cung cấp UBND xã đã xác nhận hộ gia đình Ông Lương Văn N1 lấn, chiếm đất Công ty TNHH L1 năm 2009. (có kèm theo các hồ sơ căn cứ để xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất thời điểm tạo lập tài sản trên đất).

Trên đây là nội dung Công văn của UBND xã E về cung cấp tài liệu và căn cứ xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với hộ ông Lương Văn N1 đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk thực hiện theo quy định.

****Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn S trình bày:***

Tôi là bố của Lương Văn N1, tôi từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào năm 1996 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Tôi có nộp thuế đất vào năm 1998, 1999. Các thửa đất nêu trên được tôi là Lương Văn S khai phá vào năm 1996 và canh tác ổn định, việc khai phá và sử dụng ổn định không bị xử phạt hay ngăn cản. Đến năm 2010 thì tôi có cho con tôi là Lương Văn N1 thửa đất

đang bị UBND Huyện E thu hồi (vì là bố cho con nên không lập văn bản cho tặng).
Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

***Tại bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị T trình bày:** Tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lương Văn N1.

***Công ty TNHH MTV L1 đã được triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.**

Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2025/HC-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lương Văn N1.

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1.

- Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1.

- Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lương Văn N1 theo quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N1 về yêu cầu hủy Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N1 về yêu cầu Bồi thường về đất và bồi thường tài sản trên đất.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N1 về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, người khởi kiện ông Lương Văn N1 có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và

kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lương Văn N1 giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Lương Văn N1; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 (*Gọi tắt là Quyết định 279*) của UBND huyện E, thấy rằng: Ủy ban nhân dân huyện E căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD, ngày 15/5/2009 của Bộ N2 về việc phê duyệt Dự án đầu tư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 4988/QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2018 của Bộ N2 về việc điều chỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án: Hồ C, tỉnh Đắk Lắk (Giai đoạn 1); Quyết định số 140/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2020 của Bộ N2 về việc phê duyệt điều chỉnh phân giao nhiệm vụ chủ đầu tư và quản lý vốn đầu tư Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1); Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 1284/QĐ-UBND, ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện E, Đắk Lắk; Quyết định số 1550/QĐ-UBND, ngày 14/07/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 của huyện E; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/03/2022 của UBND tỉnh Đ về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hợp phần bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk năm 2022 và Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện E về Kế hoạch tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện năm 2022; Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; Thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E về việc chủ trương thu hồi đất để xây dựng điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc hợp phần giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 để ban hành Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 thu hồi 282.717,5 m² đất của Công ty TNHH MTV L1, địa chỉ trụ sở tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013.

[2] Xét yêu cầu của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E (*Gọi tắt là Quyết định 278 và Quyết định 461*), thấy rằng: UBND huyện E ban hành Quyết định số 278 và Quyết định số 461 về việc phê duyệt phương án và phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng

màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn N1 là phù hợp về mặt hình thức và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung của các Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E.

[3.1] Về nội dung bồi thường về đất:

Thửa đất của hộ gia đình ông Lương Văn N1 có nguồn gốc trước đây thuộc phần diện tích đất do Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM204409 ngày 18/07/2008 cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Thời gian sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 (bút lục số 176-177). Ngày 23/12/2022, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 279 thu hồi 282.717,5 m² đất của Công ty TNHH MTV L1, để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có phần diện tích đất của hộ gia đình ông Lương Văn N1 đang canh tác.

Theo Quyết định thu hồi đất số 279/QĐ – UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E và theo trích lục bản đồ địa chính thì diện tích đất ông N1 bị thu hồi là thửa đất số 4, tờ bản đồ 09, diện tích 11.047,5 m² đất CLN.

Tại kết quả xác nhận số 25/GXN-UBND ngày 26/8/2024 (*Thay thế cho kết quả xác nhận số 08/GXN-UBND ngày 19/9/2022*) của UBND xã C (bút lục số 100) thể hiện nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông Lương Văn N1 là: “*Lấn, chiếm đất của Công ty L1*” tháng **03/2004**. Xác định việc sử dụng đất ổn định: từ tháng **03/2004** đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Tại Công văn số 42/Cty ngày 08/9/2022 của Công ty TNHH MTV L1 và Danh sách xác nhận thời điểm lấn chiếm và thời điểm giao khoán đất thuộc lâm phần công kèm theo Công văn số 42 (Bút lục 101-102) thể hiện: *Toàn bộ diện tích đất dự kiến thu hồi là đất lấn chiếm năm 2009 thuộc khoản 5, khoảnh 6 tiểu khu F và khoảnh 1 tiểu khu 693 theo quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.*

Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất 11.047,5 m² mà ông Lương Văn N1 quản lý sử dụng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 9 có nguồn gốc là đất lấn chiếm của Công ty L1 theo quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Thời điểm lấn, chiếm đất và thời điểm xác định việc sử dụng đất (theo kết quả xác nhận số 25/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C) hộ ông Lương Văn N1 sử dụng ổn định từ tháng **03/2004** cho đến nay.

Tại điều 64,82 Luật đất đai năm 2013 quy định thì đất hộ ông Lương Văn N1 đang sử dụng bị thu hồi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 64 của Luật đất đai năm 2013 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

[3.2] Về mức hỗ trợ về đất:

Căn cứ Khoản 2, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo

Như đã nhận định trên, thời điểm sử dụng đất của ông Lương Văn N1 được xác định từ trước ngày 01/7/2004. Tuy nhiên, tại Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E áp dụng mức hỗ trợ về đất 50% đối với hộ ông Lương Văn N1 là chưa đúng. Do đó, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ để xác định mức hỗ trợ về đất là 80% cho hộ ông Lương Văn N1 là phù hợp.

[3.3] Về yêu cầu bồi thường về tài sản gắn liền với đất, bồi thường các tài sản tạo lập sau năm 2013.

- Về yêu cầu bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Diện tích đất của hộ ông Lương Văn N1 sử dụng được xác định là đất lần, chiếm. Căn cứ điều 92 Luật đất đai năm 2013 thì tài sản gắn liền với đất trên đất bị thu hồi của hộ ông Lương Văn N1 thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, điều 92 của Luật đất đai năm 2013 nên khi thu hồi không được bồi thường tài sản gắn liền với đất.

- Về yêu cầu bồi thường các tài sản tạo lập sau năm 2013:

Ngày 28/10/2013, UBND huyện E ban hành Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 về việc thông báo chủ trương thu hồi đất để xây dựng điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E, thuộc hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pắc thượng.

Từ khi ban hành Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013, UBND huyện E đều không gửi cho các hộ dân đang trực tiếp sử dụng đất, không niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong thời gian thu hồi là vi phạm quy định tại Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định: *Quyết định thu hồi đất phải được gửi đến người có đất bị thu hồi và được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian kể từ ngày UBND cấp xã nhận được quyết định đến thời điểm kết thúc việc thu hồi.*”

Việc không gửi Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 đến các hộ dân, không niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi dẫn đến việc các hộ dân không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất cho đến khi bị cưỡng chế. Quá trình sử dụng đất, các hộ dân cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Ủy ban nhân dân huyện E xác định đối với các cây trồng tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 nên không được hỗ trợ là chưa phù hợp.

Tuy nhiên, theo biên bản kiểm đếm tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền với đất vào ngày 16/8/2022, phương án hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện E và tại biên bản kiểm đếm lại vào ngày 27/6/2024 thì trên diện tích đất bị thu hồi của hộ ông N1 không có tài sản, cây trồng gắn liền với đất được tạo lập sau năm 2013. Do đó, yêu cầu của ông Lương Văn N1 về bồi thường các tài sản tạo lập năm 2013 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

- Về mức hỗ trợ cây trồng trên đất:

Tại biên bản về việc kiểm tra, thống kê, kiểm đếm tài sản, cây trồng tạo lập trên đất theo kiến nghị của gia đình ngày 27/6/2024 do đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã C, Phòng Nông nghiệp huyện E và gia đình ông Lương Văn N1 xác lập (bút lục số 60-62) thể hiện có sự điều chỉnh đối với phần chất lượng, năm trồng của cây trồng trên thửa đất bị thu hồi, cụ thể:

Đối với phạm vi ranh giới thu hồi năm 2021: Cây cao su trồng năm 2010, loại A nay thay đổi thành trồng năm 2003, 200 cây. Cây cao su trồng năm 2010, loại B nay thay đổi thành trồng năm 2003, 100 cây. Cây cao su trồng năm 2010, loại C nay thay đổi thành trồng năm 2003, loại B, 74 cây.

Đối với phạm vi ranh thu hồi năm 2021 đến ranh 344: Cây cao su trồng năm 2010, loại A nay đổi thành trồng năm 2003, 11 cây.

Đối với phần ranh mở rộng: Cây cao su trồng năm 2010, loại A nay thay đổi thành trồng năm 2003, 117 cây. Cây cao su trồng năm 2010, loại B nay đổi thành trồng năm 2003, 45 cây. Cây cao su trồng năm 2010, loại C nay đổi thành trồng năm 2003, loại B, 05 cây.

Tại quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện E hỗ trợ bằng 60% giá trị theo đơn giá quy định hiện hành đối với các cây trồng trên đất thu hồi.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ của UBND tỉnh Đ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì thửa đất bị thu hồi của hộ ông Lương Văn N1 được xác định thời điểm sử dụng đất là từ tháng 03/2004 theo Kết quả xác nhận số 25/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã

C. Việc UBND huyện E chỉ hỗ trợ về cây trồng theo mức 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn N1, buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện E là Chủ tịch UBND xã E phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lương Văn N1 theo quy định của pháp luật, cụ thể: hỗ trợ về tài sản trên đất khi thu hồi đất với mức hỗ trợ bằng 80% theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

[4] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Hộ ông Lương Văn N1 sử dụng đất có nguồn gốc là đất lấn chiếm của Công ty L1 nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định, phù hợp và đúng pháp luật nên hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn N1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[6] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lương Văn N1 không phải chịu án phí hành chính sơ, phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Văn N1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 104/2025/HC-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính: Ông Lương Văn N1 không phải chịu.

3. Các quyết định khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP.

Lê Văn Thường